

MÔN ĐƯƠNG HỘ ĐỐI

門當戶對

Michel Nguyễn Hạnh
Phó Trưởng Ban Từ Vọng Hán Nôm Công Giáo
Phân ban thuộc Ủy ban Giáo Lý Đức Tin –
Thành viên Ủy ban Văn hóa

Từ cửa nhà đến gia thế, từ gia thế đến hôn nhân

Môn đương hộ đối 門當戶對 là một thành ngữ quen thuộc trong văn hóa hôn nhân Á Đông, chỉ ít đã có từ cuối thế kỷ XVI. Ngày nay, người ta thường dùng thành ngữ này để nói rằng hai người kết hôn có gia đình, hoàn cảnh và địa vị tương xứng. Trong cách hiểu thông thường, nó thường bị giản lược thành “nhà giàu lấy nhà giàu” hay theo cách hiểu hiện đại là “gió tầng nào, mây tầng ấy”, nhưng nếu trở về với nghĩa của bốn chữ **Môn đương hộ đối** 門當戶對, với cách giải thích lưu truyền trong văn hóa dân gian Trung Hoa và đặc biệt với những dẫn chứng trong *Tây Du Ký*, *Kim Bình Mai* và *Hồng Lâu Mộng*, nội hàm của thành ngữ rộng và sâu hơn nhiều.

Trong tài liệu của *Trung Quốc Triết học thư Điện tử hóa Kế hoạch* 中國哲學書電子化計劃 giải thích:

結親的雙方家庭經濟和社會地位相等。

Kết thân đích song phương gia đình kinh tế hòa xã hội địa vị tương đẳng.

“Hai gia đình kết thông gia có điều kiện kinh tế và địa vị xã hội tương đương.”

Nguồn tài liệu này đồng thời ghi nhận những hình thức tương đương như 當門對戶 – **đương môn đối hộ** và 戶對門當 – **hộ đối môn đương**.

Điều đáng chú ý là định nghĩa không nói trước hết đến hai cá nhân, mà nói đến:

雙方家庭 – *song phương gia đình* – gia đình hai bên.

Chính điểm ấy là chìa khóa để hiểu bốn chữ 門當戶對 – **môn đương hộ đối**.

1. Từ “môn” và “hộ” đến “môn hộ”

門 **môn** nghĩa gốc là cửa, cổng, lối ra vào. Nhưng từ rất sớm, chiếc cửa đã được dùng để biểu thị ngôi nhà và rộng hơn là dòng họ, gia đình, địa vị xã hội. Vì vậy có các

cụm từ:

名門 – **danh môn**: dòng họ danh giá;

豪門 – **hào môn**: nhà quyền quý;

門第 – **môn đệ**: gia thế, dòng dõi (ở đây không phải là học trò);

門戶 – **môn hộ**: cửa nhà, gia đình, dòng họ.

戶 **hộ** nghĩa gốc cũng là cửa, đặc biệt là cửa một cánh, rồi phát triển thành nghĩa nhà, hộ gia đình.

當 **đương** trong thành ngữ này không mang nghĩa “đang, đương lúc”, mà mang nghĩa tương xứng, tương đương, thích hợp.

對 **đối** là đối diện, tương ứng, tương hợp, xứng với nhau.

Vì thế, xét theo nghĩa chữ:

門當 – **môn đương**: môn đình 門庭 (cửa và sân nhà) tương xứng.

戶對 – **hộ đối**: gia đình tương hợp.

Từ “cửa nhà” đã chuyển sang “gia đình”; từ “gia đình” chuyển sang “gia thế”; và từ gia thế chuyển thành một tiêu chuẩn trong hôn nhân.

Có thể hình dung quá trình ấy:

門戶 – **môn hộ**: cửa nhà

→ 家庭 – gia đình

→ 家世 – gia thế

→ 社會地位 – xã hội địa vị (địa vị xã hội)

→ 婚姻相配 – hôn nhân tương phối (hôn nhân tương xứng).

2. Cách giải thích dân gian: “môn đương” và “hộ đối” trên kiến trúc cổng nhà

Trong văn hóa dân gian Trung Hoa hiện nay có một cách giải thích rất phổ biến: 門當 – **môn đương** và 戶對 – **hộ đối** vốn được liên hệ với những cấu kiện kiến trúc đặt ở cổng các nhà truyền thống.

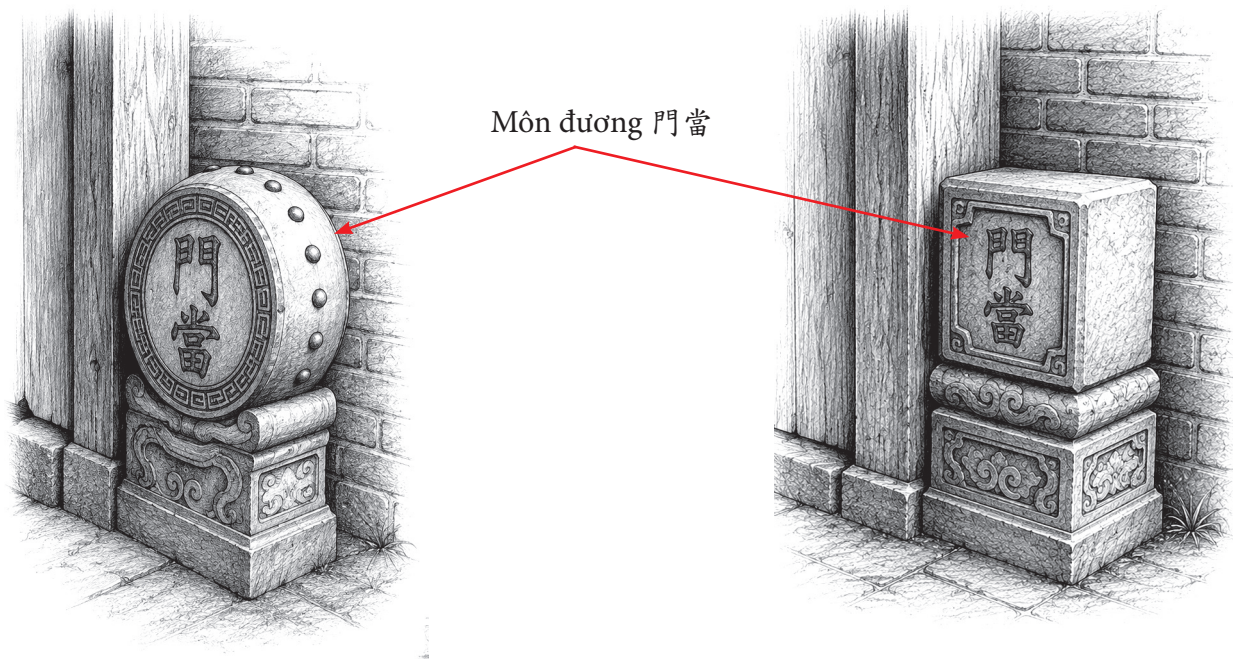
Cần nói rõ rằng đây là **cách giải thích lưu truyền trong dân gian và trong truyền thống về kiến trúc cổ**, có giá trị giúp hình dung biểu tượng văn hóa của thành ngữ; không nên xem nó như một chứng minh chắc chắn rằng thành ngữ lịch sử nhất định bắt nguồn trực tiếp từ các cấu kiện kiến trúc này.

Theo cách giải thích ấy, 門當 **môn đương** là những khối đá đặt hai bên cửa lớn,

thường được gọi là:

抱鼓石 – **bào cổ thạch**, tức khối đá có hình dáng chiếc trống đặt hai bên phía trước trụ cửa gỗ. (門框立柱 – môn khuông lập trụ).

Trong kiến trúc truyền thống, những khối đá có hình dáng gọi chiếc trống dạng tròn được liên hệ với nhà võ quan, còn dạng khối vuông được liên hệ với nhà văn quan. Hình tròn được ví với trống hay bánh xe chiến xa, biểu thị võ nghiệp; hình vuông được giải thích giống ấn chương hay hòm sách, gọi học vấn và văn trị.



Phía trên cổng còn có những đầu cấu kiện được dân gian gọi là 戶對 – **hộ đối**. Những đầu cấu kiện ấy nhô ra ngoài, phân biệt hình dáng và số lượng của chúng theo phẩm cấp, coi đó như những dấu hiệu cho biết thân phận của chủ nhân. Số lượng có thể từ hai đến tám cấu kiện. Theo cách giải thích dân gian, chỉ nhìn cổng nhà, người ta phần nào có thể suy đoán:

nhà ấy thuộc văn hay võ;

địa vị cao hay thấp;

quy cách môn đình lớn hay nhỏ.

Cánh cổng vì thế giống như một “danh thiếp bằng kiến trúc” của gia đình.

Nếu hai nhà định kết thông gia, “môn” và “hộ” của nhà này quy cách tương xứng với nhà kia, thì hai gia đình đó được xem là có địa vị tương hợp. Từ đó, dân gian giải thích bốn chữ: 門當戶對 – **môn đương hộ đối** như một hình ảnh: cửa nhà này tương xứng với cửa nhà kia.



Hộ đối 戶對

Dưới hoành phi 降福兆祥 *Giáng phúc triệu tường* “Ban phúc, báo điềm lành” là bốn hộ đối 戶對



Môn đương 門當 hình trống ở hai bên trụ cửa.



Môn đương 門當 hình hộp ở hai bên trụ cửa.

Dù cách giải thích ấy không thể thay thế khảo chứng văn hiến, nó vẫn phản ánh rất đúng một đặc trưng của văn hóa truyền thống: cửa nhà không chỉ là kiến trúc; cửa nhà còn biểu thị thân phận của người ở phía sau nó.

Và chính từ đây, ta có thể bước sang những chứng cứ chắc chắn hơn: cách thành ngữ thực sự được sử dụng trong văn học.

3. Tây Du Ký: một người con rể có “môn đương hộ đối” hay không?

Một dẫn chứng rất rõ xuất hiện trong *Tây Du Ký* 西遊記 (cuối thế kỷ XVI), Hồi 19:

雲棧洞悟空收八戒浮屠山玄奘受心經

Vân Sạn động Ngô Không thu Bát Giới, Phù Đồ sơn Huyền Trang thụ Tâm Kinh.

“Tại động Vân Sạn, Ngô Không thu phục Bát Giới; trên núi Phù Đồ, Huyền Trang lĩnh thụ Tâm Kinh.”

Bối cảnh là câu chuyện **Trư Bát Giới làm rể nhà họ Cao**.

Cao lão không muốn giữ một yêu quái làm con rể. Sau khi Tôn Ngô Không giao đấu với Trư Bát Giới, ông vẫn nài nỉ Ngô Không phải bắt cho bằng được, “nhỡ cỏ tận gốc”, vì sợ làm tổn hại danh dự gia đình:

只是要剪草除根，莫教壞了我高門清德。

Chỉ thị yếu tiễn thảo trừ căn, mạc giáo hoại liễu ngã Cao môn thanh đức.

“Chỉ mong nhổ cỏ tận gốc, đừng để hấn làm hỏng thanh đức của môn hộ họ Cao.”

Hai chữ đáng chú ý là:

高門 – **Cao môn**: môn hộ họ Cao;

清德 – **thanh đức**: danh dự, đức hạnh trong sạch.

Ngô Không lại nhìn sự việc theo phương diện thực tế. Trư Bát Giới tuy ăn khỏe nhưng cũng làm việc rất nhiều, giúp nhà họ Cao gây dựng thêm gia sản, lại chưa từng làm hại cô con gái. Vì thế Ngô Không nói:

那怪也曾對我說，他雖是食腸大，吃了你家些茶飯，也與你幹了許多好事，這幾年掙了許多家貲，皆是他之力量。他不曾白吃了你東西……又未曾害了你家女兒。想這等一個女婿，也門當戶對，不怎麼壞了家聲，辱了行止，當真的留他也罷。

Ná quái dã tăng đối ngã thuyết, tha tuy thị thực trường đại, ngật liễu nhĩ gia ta trà phạn, dã dữ nhĩ cán liễu hứa đa hảo sự, giá kỷ niên tránh liễu hứa đa gia tư, giai thị tha chi lực lượng.

Tha bất tăng bạch ngật liễu nhĩ đông tây... hựu vị tăng hại liễu nhĩ gia nữ nhi. Tường giá đẳng nhất cá nữ tể, dã môn đương hộ đối, bất chăm ma hoại liễu gia thanh, nhục liễu hành chỉ, đương chân đích lưu tha dã bĩ.

“Con quái ấy từng nói với ta rằng, tuy bụng dạ hắc lớn, ăn của nhà ông ít nhiều cơm nước, nhưng cũng đã làm cho ông biết bao việc tốt. Mấy năm nay nhà ông gây dựng được khá nhiều gia sản đều nhờ sức lực của hắc. Hắc đâu có ăn không của nhà ông... lại chưa từng làm hại con gái ông. Nghĩ một người con rể như thế cũng là **môn đương hộ đối**, chẳng đến nỗi làm hỏng thanh danh gia đình hay làm nhục phẩm hạnh; thật ra giữ hắc lại cũng được.”

Câu nói trực tiếp chứa thành ngữ là:

想這等一個女婿，也門當戶對。

Tường giá đẳng nhất cá nữ tể, dã môn đương hộ đối.

“Nghĩ một người con rể như thế cũng là **môn đương hộ đối**.”

Cao lão không phản bác rằng Trư Bát Giới đã làm hại con gái mình. Ông lại nói:

雖是不傷風化，但名聲不甚好聽，動不動著人就說：「高家招了一個妖怪女婿。」這句話兒教人怎當？

Tuy thị bất thương phong hóa, dã danh thanh bất thậm hảo thính, động bất động trước nhân tự thuyết: “Cao gia chiêu liễu nhất cá yêu quái nữ tể.” Giá cú thoại nhi giáo nhân chăm đương?

“Tuy không đến nỗi tổn thương phong hóa, nhưng tiếng tăm nghe chẳng hay. Hễ có chuyện người ta lại nói: ‘Nhà họ Cao rước một yêu quái về làm con rể.’ Câu ấy bảo người ta làm sao chịu nổi?”

Đoạn văn làm hiện rõ một chiều kích quan trọng của **môn đương hộ đối**:

hôn nhân còn liên hệ đến 家聲 – **gia thanh** và 名聲 – **danh thanh** của cả gia đình.

Ngộ Không nhìn vào **cái thực**: người con rể làm được gì.

Cao lão lo **cái danh**: xã hội nhìn gia đình mình thế nào.

Vì vậy, trong Tây Du Ký, “**môn đương hộ đối**” không đơn giản là cân đối tiền bạc, mà còn là câu hỏi:

Người con rể ấy có tương xứng với **môn đình**¹ và **thanh danh** của nhà vợ hay không?

1. Môn đình: cửa và sân. Nhà càng giàu, gia thế nhà quan càng lớn thì cửa càng rộng

4. Kim Bình Mai: “phải tìm một cô gái môn đương hộ đối”

Nếu *Tây Du Ký* nhìn từ phía người con rể, thì Kim Bình Mai 金瓶梅 (đầu thế kỷ XVII) lại cho thấy thành ngữ **môn đương hộ đối** được dùng trực tiếp trong việc tìm con dâu.

Dẫn chứng ở Hồi 97:

假弟妹暗續鸞膠真夫婦明諧花燭

Giả đệ muội ám tục loan giao, chân phu phụ minh hài hoa chúc.

“Đôi em giả âm thầm nối lại duyên loan phượng; vợ chồng thật công khai nên duyên hoa chúc.”

Bàng Xuân Mai 龐春梅 lúc này ở trong phủ Chu Thủ Bị 周守備. Trước khi đi chinh chiến, Chu Thủ Bị dặn nàng tìm cho Trần Kính Tế 陳敬濟 một mối hôn nhân.

Xuân Mai gọi bà mối Tiết tâu 薛嫂 đến và dặn:

他爺臨去分付，叫你替我兄弟尋門親事，你須尋個門當戶對好女兒，不拘十六七歲的也罷，只要好模樣兒，聰明伶俐些的。

Tha gia lâm khứ phân phó, khiêu nhĩ thế ngã huynh đệ tâm môn thân sự, nhĩ tu tâm cá môn đương hộ đối hảo nữ nhi, bất câu thập lục thập thất tuế đích dã bãi, chỉ yếu hảo mô dạng nhi, thông minh linh lợi ta đích.

“Trước khi ông nhà ta đi đã dặn, bảo bà tìm cho em ta một mối hôn nhân. Bà phải tìm một cô gái tốt thuộc gia đình **môn đương hộ đối**; mười sáu hay mười bảy tuổi cũng được, chỉ cần dung mạo khá, thông minh lanh lợi.”

Câu cốt lõi:

你須尋個門當戶對好女兒。

Nhĩ tu tâm cá môn đương hộ đối hảo nữ nhi.

“Bà phải tìm một cô gái tốt thuộc gia đình **môn đương hộ đối**.”

Điểm đặc biệt của đoạn Kim Bình Mai là những câu sau gần như tự giải thích nghĩa của bốn chữ này.

Bà mối đáp:

有人家相應好女子兒，就來說。

Hữu nhân gia tương ứng hảo nữ tử nhi, tựu lai thuyết.

“Nếu có cô gái tốt thuộc gia đình tương xứng thì tôi sẽ đến thưa chuyện.”

Ở đây:

門當戶對 → 人家相應

Môn đương hộ đối → nhân gia tương ứng “gia đình tương ứng”.

Xuân Mai lại nói:

財禮羹果，花紅酒禮，頭面衣服，不少他的，只要好人家好女孩兒，方可進入我門來。

Tài lễ quả thực, hoa hồng tửu lễ, đầu diện y phục, bất thiếu tha đích, chỉ yếu hảo nhân gia hảo nữ hài nhi, phương khả tiến nhập ngã môn lai.

“Các thứ sinh lễ, bánh trái, lễ hoa hồng rượu thịt, đồ trang sức, quần áo, ta sẽ không để thiếu. Chỉ cần là cô gái tốt thuộc một gia đình tử tế thì mới có thể bước vào cửa nhà ta.”

Câu:

方可進入我門來

Phương khả tiến nhập ngã môn lai.

“Mới có thể bước vào cửa nhà ta.”

đặc biệt đáng chú ý.

Chữ 門 – **môn** không còn là khái niệm trừu tượng. Một người con gái lấy chồng chính là bước vào “**môn**” của một gia đình.

Khi bà mới tìm được con gái nhà Cát viên ngoại, người đi xem mặt trở về báo:

果然好個女子，生的一表人才，如花似朵，人家又相當。

Quả nhiên hảo cá nữ tử, sinh đích nhất biểu nhân tài, như hoa tự đoá, nhân gia hựu tương đương.

“Quả nhiên là một cô gái tốt, dung mạo xinh đẹp như hoa; gia đình hai bên lại tương xứng.”

Văn bản dùng: 人家又相當 – nhân gia hựu tương đương.

Như vậy trong cùng một mạch truyện:

門當戶對 → 人家相應 → 人家相當

Môn đương hộ đối → nhân gia tương ứng → nhân gia tương đương.

Đây là một dẫn chứng rất mạnh về mặt ngữ nghĩa. Cái phải 當 – **đương** và 對 – **đối**,

trước hết chính là: 人家 – nhân gia “gia đình”.

5. Hồng Lâu Mộng: “hai nhà cũng kể là môn đương hộ đối”

Đến *Hồng Lâu Mộng* 紅樓夢 (cuối thế kỷ XVIII), điều ấy được diễn đạt còn trực tiếp hơn.

Dẫn chứng ở Hồi 72:

王熙鳳恃強羞說病,來旺婦倚勢霸成親

Vương Hy Phượng thị cường tu thuyết bệnh, Lai Vượng phụ ỷ thế bá thành thân.

“Vương Hy Phượng cậy mạnh, ngượng nói chuyện bệnh; vợ Lai Vượng dựa thế, cưỡng ép việc thành thân.”

Con trai Lai Vượng 來旺 năm ấy mười bảy tuổi mà chưa lấy vợ. Gia đình muốn hỏi cưới Thái Hà 彩霞, một nha hoàn từng hầu Vương phu nhân. Vợ Lai Vượng đến nhờ Vương Hy Phượng đứng ra.

Hy Phượng giải thích với Giả Liên:

旺兒有個小子，今年十七歲了，還沒娶媳婦兒，因要求太太房裡的彩霞……因此，旺兒媳婦來求我。我想他兩家也就算門當戶對了，一說去，自然成的。

Vượng nhi hữu cá tiểu tử, kim niên thập thất tuế liễu, hoàn một thú tức phụ nhi, nhân yếu cầu thái thái phòng lý đích Thái Hà... Nhân thử, Vượng nhi tức phụ lai cầu ngã. Ngã tưởng tha lương gia dã tựu toán môn đương hộ đối liễu, nhất thuyết khứ, tự nhiên thành đích.

“Lai Vượng có một đứa con trai, năm nay mười bảy tuổi mà vẫn chưa lấy vợ, muốn hỏi cưới Thái Hà bên phòng Thái Thái... Vì thế vợ Lai Vượng mới đến nhờ tôi. Tôi nghĩ hai nhà họ cũng kể là môn đương hộ đối; hễ sang nói thì tự nhiên sẽ thành.”

Câu quan trọng nhất là:

我想他兩家也就算門當戶對了。

Ngã tưởng tha lương gia dã tựu toán môn đương hộ đối liễu.

“Tôi nghĩ hai nhà họ cũng kể là môn đương hộ đối.”

Ở đây, đối tượng của thành ngữ được chỉ ra không thể rõ hơn:

他兩家 – *tha lương gia* – hai gia đình.

Không phải trước hết là:

“chàng trai và cô gái có đẹp đôi không?”

Mà là:

“hai nhà có tương xứng không?”

Chi tiết này còn giúp sửa một cách hiểu phổ biến hiện nay. Lai Vượng và Thái Hà đều thuộc thế giới gia nhân trong phủ họ Giả. Họ không phải những đại gia tộc quyền quý. Nhưng Hy Phượng vẫn nói:

兩家也就算門當戶對。

Luồng gia đã tựu toán môn đương hộ đối.

“Hai nhà cũng kể là môn đương hộ đối.”

Điều ấy chứng minh:

門當戶對 – **môn đương hộ đối** không đồng nghĩa với 富貴之家相配 – *phú quý chi gia tương phối* “hai nhà giàu sang xứng nhau”.

Mà đúng hơn là:

門當戶對 = 兩家相當

Môn đương hộ đối = luồng gia tương đương

Môn đương hộ đối = hai gia đình tương đương với nhau trong hoàn cảnh xã hội của chính họ.

Hồng Lô Mộng còn có một trường hợp rất rõ ở Hồi 117. Khi bàn đến hôn nhân của Xảo Thư 巧姐, Vương phu nhân nói:

或者有個門當戶對的來說親。

Hoặc giả hữu cá môn đương hộ đối đích lai thuyết thân.

“Hoặc có nhà nào môn đương hộ đối đến cầu thân.”

6. Ba tác phẩm – ba góc nhìn – một nghĩa cốt lõi

Đặt ba tác phẩm cạnh nhau, chúng ta có một chuỗi dẫn chứng rất đẹp.

Tây Du Ký – người con rể

想這等一個女婿，也門當戶對。

Tưởng giá đẳng nhất cá nữ tể, dã môn đương hộ đối.

“Nghĩ một người con rể như thế cũng là môn đương hộ đối.”

Trọng tâm là:

女婿 – nữ tế – người con rể

và quan hệ của người ấy với 家聲 – **gia thanh**, thanh danh của gia đình vợ.

Kim Bình Mai – người con gái được chọn

你須尋個門當戶對好女兒。

Nhĩ tu tâm cá môn đương hộ đối hảo nữ nhi.

“Bà phải tìm một cô gái tốt thuộc gia đình môn đương hộ đối.”

Rồi văn bản tự giải thích:

人家相應 – *nhân gia tương ứng* “gia đình tương ứng”.

人家相當 – *nhân gia tương đương* “gia đình tương đương”.

Hồng Lâu Mộng – hai gia đình

我想他兩家也就算門當戶對了。

Ngã tưởng tha lưỡng gia dã tựu toán môn đương hộ đối liễu.

“Tôi nghĩ hai nhà họ cũng kể là môn đương hộ đối.”

Đây là tầng nghĩa cơ bản nhất: 兩家 – *lưỡng gia* – hai gia đình.

Ba dẫn chứng vì thế nối thành: 女婿 → 女兒 → 兩家

Con rể → con gái → hai gia đình.

Nhưng cuối cùng tất cả đều trở về:

門 → 戶 → 家 → 家世

Cửa → nhà → gia đình → gia thế.

7. Từ hình ảnh dân gian đến chứng cứ văn học

Đến đây, cách giải thích dân gian về kiến trúc và ba dẫn chứng văn học có thể đặt cạnh nhau, nhưng cần phân biệt rõ giá trị của chúng.

Cách giải thích dân gian nói:

門當 – **môn đương** là những cấu kiện trước cửa;

戶對 – **hộ đối** là những cấu kiện trên cổng;

hình thức công biểu thị thân phận gia chủ;

hai cổng tương xứng tượng trưng cho hai nhà tương xứng.

Đây là một cách hình tượng hóa rất sinh động.

Còn ba tác phẩm văn học cho thấy chắc chắn rằng trong ngôn ngữ thực tế, 門當戶對 **môn đương hộ đối** được dùng để nói về sự tương xứng của hai gia đình trong việc kết hôn.

Hai lớp tư liệu vì thế không nhất thiết phải chứng minh rằng cái này sinh ra trực tiếp từ cái kia. Nhưng chúng gặp nhau ở một biểu tượng văn hóa chung:

門戶 – *môn hộ* – cửa nhà – đại diện cho gia đình và vị thế của gia đình.

Bởi vậy, từ hình ảnh cánh cổng đến ý niệm gia thế là một sự chuyển nghĩa hoàn toàn dễ hiểu.

Có thể cô đọng:

門戶相當 → 兩家相當 → 婚姻相配

Môn hộ tương đương → Lưỡng gia tương đương → Hôn nhân tương phối.

“Môn hộ tương đương → hai gia đình tương đương → hôn nhân được xem là tương xứng.”

8. “Môn đương hộ đối” không phải chỉ là “giàu lấy giàu”

Nếu chỉ hiểu thành ngữ là “người giàu phải lấy người giàu”, ta đã làm nghèo nghĩa của nó.

Ba tác phẩm trên cho thấy sự “tương xứng” có thể bao gồm nhiều phương diện.

Trong **Tây Du Ký**, đó là:

家聲 – **gia thanh**: thanh danh gia đình;

名聲 – **danh thanh**: tiếng tăm trước xã hội;

行止 – **hành chí**: tư cách, phẩm hạnh.

Trong **Kim Bình Mai**, người ta xét:

好人家 – **hảo nhân gia**, gia đình tử tế, có nền nếp;

好女孩兒 – **hảo nữ hài nhi**, cô gái tốt, có dung mạo và sự thông minh; đồng thời quan tâm đến lễ nghi, sính lễ.

Nhưng cốt lõi vẫn là 人家相當 – *nhân gia tương đương*, tức hai gia đình có hoàn cảnh và vị thế tương xứng.

Trong **Hồng Lâu Mộng**, ngay hai gia đình tôi tớ cũng có thể được coi là 門當戶對 **môn đương hộ đối** nếu địa vị của họ tương xứng.

Do đó:

門當戶對 ≠ 富家對富家

Môn đương hộ đối ≠ phú gia đối phú gia.

“Môn đương hộ đối không đồng nghĩa với nhà giàu sánh với nhà giàu.”

Đúng hơn:

門當戶對 = 門戶相當、家世相稱

Môn đương hộ đối = môn hộ tương đương, gia thế tương xứng.

“Môn hộ tương đương, gia thế tương xứng.”

9. Từ quan niệm truyền thống đến cách hiểu hiện đại

Dĩ nhiên, thành ngữ này ra đời và phát triển trong một xã hội coi trọng dòng họ và có sự phân tầng rõ rệt. Khi bị tuyệt đối hóa, “môn đương hộ đối” có thể trở thành công cụ duy trì khoảng cách giai cấp, đặt lợi ích môn hộ lên trên tình cảm cá nhân.

Vì vậy, không nên lấy toàn bộ mô hình hôn nhân cổ truyền làm chuẩn mực cho xã hội hiện đại.

Nhưng nếu loại bỏ yếu tố phân tầng xã hội, phía sau bốn chữ vẫn còn một kinh nghiệm nhân sinh đáng suy nghĩ:

Hôn nhân không chỉ là sự gặp nhau của hai cá nhân; nó thường cũng là sự gặp nhau của hai nền giáo dục, hai nếp sống, hai hệ giá trị và hai thế giới gia đình.

Ngày nay, “**môn**” và “**hộ**” có thể không còn được hiểu chủ yếu bằng:

tước vị,

số ruộng đất,

quy mô cổng nhà,

hay tài sản.

Nó có thể được đọc lại thành:

nền tảng giáo dục;
trình độ văn hóa;
cách nhìn về gia đình;
thái độ đối với tiền bạc;
quan niệm về trách nhiệm;
cách nuôi dạy con cái;
lối ứng xử;
hệ giá trị và nhân sinh quan.

Hai người có thể xuất thân từ những gia đình rất khác nhau về tiền bạc mà vẫn sống hạnh phúc nếu họ có khả năng hiểu và dung hòa hai nền tảng ấy.

Ngược lại, hai gia đình giàu có ngang nhau chưa chắc đã thực sự “môn đương hộ đối” nếu hai người hoàn toàn không tương hợp về giá trị và cách sống.

Như vậy, từ nghĩa cổ: 相當 – *tương đương*

có thể phát triển trong cách đọc hiện đại thành: 相合 – *tương hợp*.

10. Nghĩa của thời đại

門當戶對 – **môn đương hộ đối** nguyên chỉ hai gia đình kết thông gia có môn hộ, gia thế, hoàn cảnh và địa vị xã hội tương xứng, từ đó chỉ một cuộc hôn phối được xem là thích hợp.

Cách giải thích dân gian về kiến trúc dùng môn đương và hộ đối ở cổng nhà để hình tượng hóa sự tương xứng ấy.

Ba tác phẩm văn học lại cho chúng ta ba dẫn chứng rất cụ thể:

《西遊記》 – Tây Du Ký:

想這等一個女婿，也門當戶對。

Tưởng giá đáng nhất cá nữ tể, đã môn đương hộ đối.

“Nghĩ một người con rể như thế cũng là **môn đương hộ đối**.”

《金瓶梅》 – Kim Bình Mai:

你須尋個門當戶對好女兒。

Nhĩ tu tìm cá môn đương hộ đối hảo nữ nhi.

“Bà phải tìm một cô gái tốt thuộc gia đình **môn đương hộ đối**.”

《紅樓夢》 – Hồng Lâu Mộng:

我想他兩家也就算門當戶對了。

Ngã tưởng tha lương gia dã tựu toán môn đương hộ đối liễu.

“Tôi nghĩ hai nhà họ cũng kể là môn đương hộ đối.”

Bốn chữ trên có thể hiểu là:

門當戶對：門戶相當，家世相稱。

Môn đương hộ đối: môn hộ tương đương, gia thế tương xứng.

Nếu diễn giải theo hình tượng văn hóa:

Hai cánh cửa có thể đặt đối diện nhau bởi hai gia đình phía sau những cánh cửa ấy được xem là tương xứng.

Và nếu đọc lại theo tinh thần hiện đại:

Môn đương hộ đối không nhất thiết là hai nhà có cùng số tiền; sâu hơn, đó là khả năng hai con người cùng với hai thế giới gia đình phía sau họ có đủ nền tảng chung để gặp nhau, hiểu nhau và cùng xây dựng một đời sống lâu dài.

Đó có lẽ là sức sống lâu bền nhất của thành ngữ 門當戶對 **môn đương hộ đối**: từ một hình ảnh về cửa nhà, nó trở thành một suy tư về gia đình; từ gia đình đi vào hôn nhân; và từ một tiêu chuẩn xã hội cổ truyền, nó vẫn có thể được đọc lại như một câu hỏi rất hiện đại:

Hai người yêu nhau, nhưng hai thế giới mà họ mang theo có thể cùng bước qua một cánh cửa hay không?

11. 門當戶對 – “môn đương hộ đối” bị đọc chệch thành “môn đẳng hộ đối”

“**Môn đẳng hộ đối**” là cách nói đã trở nên khá quen thuộc trong tiếng Việt, nhưng không phù hợp với mặt chữ của nguyên ngữ Hán. Thành ngữ viết là 門當戶對, trong đó 當 đọc Hán Việt là **đương** (trong một số nghĩa đọc là *đáng*), chứ không phải *đẳng*. Vì thế, xét theo nguyên ngữ, phải đọc là **môn đương hộ đối**.

Trong thành ngữ này, 當 – **đương** mang nghĩa tương đương, tương xứng; do đó 門當戶對 chỉ hai bên môn hộ tương đương, gia thế tương xứng, rồi mở rộng để chỉ một cuộc hôn nhân được xem là xứng hợp.

* *Hình minh họa*: ChatGPT thực hiện theo lệnh Prompt của tác giả bài viết.